TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST Ngày: 11- 9 - 2019 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình (Ly hôn)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ - TP HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Loan.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Th

Bà Kiều Thị Ninh

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Mơ - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Thành Trung **-** Kiểm sát viên**.**

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 167/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình (ly hôn) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đỗ Hữu Th,** sinh năm 1986. Có mặt;

Địa chỉ: Cụm 4, xã H, huyện P, TP Hà Nội

- Bị đơn: **Chị Đỗ Thị N,** sinh năm 1987. Vắng mặt;

Địa chỉ: Cụm 3, xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai của các bên thì vụ án có nội dung như sau: Anh Đỗ Hữu Th và chị Đỗ Thị N kết hôn do tự nguyện tìm hiểu. Anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2017 tại UBND xã H, huyện P, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị N về chung sống cùng gia đình anh Th tại Cụm 4, xã H, huyện P, Hà Nội.

Theo anh Th thì: Trong quá trình chung sống, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N rất ương bướng, luôn tự làm theo ý mình. Chị N không quan tâm gì đến gia đình anh và rất hỗn láo với bố mẹ anh. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung nên không có tình cảm. Gia đình chị N cũng biết việc chị N ngang bướng và có lần chị gái chị N đã lên nhà anh xin phép đón chị N về để dạy dỗ lại. Từ ngày 14 tháng Giêng (âm lịch) năm 2019, bố mẹ chị N đã đến nhà anh đón chị N về vả bảo "*nếu sống ở đây không được thì về nhà bố mẹ mua chung cư cho mà ở*". Chị N đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại xã L. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến

nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Đỗ Hữu Ng, sinh ngày 10/6/2018. Hiện tại, cháu Ng đang sống cùng mẹ. Khi ly hôn, anh Th đề nghị giao cháu Ng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 1.000.000đ/tháng, hiện nay anh đi làm nghề thợ mộc, mức thu nhập trung bình từ 5-6 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị N không chấp hành, không đến Tòa án để giải quyết. Cán bộ Tòa án đã đến nhà bố mẹ đẻ chị N nhưng chị N đi làm vắng nhà nên không lấy được lời khai của chị N.

Theo ông Đỗ Hoành Đ, là bố đẻ của chị N cho biết thì cuộc sống của vợ chồng anh Th chị N không hạnh phúc do anh Th nhiều lần bạo lực gia đình, đánh đập chị N. Từ tháng Giêng năm 2019, ông đã đón mẹ con chị N về sống cùng gia đình ông. Từ đó đến nay, anh Th không còn quan tâm gì đến chị N nữa. Chị N hiện đi làm công nhân làm bánh kẹo ở huyện Đ, thu nhập mỗi tháng từ 5-6 triệu đồng. Ông cũng thấy rằng tình cảm giữa anh Th và chị N không thể hàn gắn được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình ông đề nghị anh Th phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng 2.000.000đ.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, thẩm quyền.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51,57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Hữu Th, anh Th được ly hôn chị N.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Hữu Ng, sinh ngày 10/6/2018 cho chị N nuôi. Anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 1.500.000đ/tháng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng)*. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về tài sản, công sức, nợ: không có

* Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Th phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Hữu Th và chị Đỗ Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị N về cư trú tại nhà bố mẹ đẻ tại Cụm 3, xã L, huyện P. Anh Th khởi kiện xin ly hôn với chị N, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N là bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hữu Th và chị Đỗ Thị N kết hôn hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P, TP Hà Nội vào ngày 13/2/2017. Hiện nay vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Hữu Ng, sinh ngày 10/6/2018.

Trong quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng Giêng năm 2019 đến nay. Chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã L ở. Hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Khi Tòa án triệu tập đến để giải quyết và hòa giải, chị N cũng không đến Tòa án để giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Th và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Do cháu Đỗ Hữu Ng mới được 15 tháng tuổi, còn đang trong độ tuổi bú mẹ, cháu đang ở với chị N. Anh Th đồng ý giao cháu Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên xét về quyền lợi mọi mặt của cháu Ng và căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Ng cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cần buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.500.000đ/1 tháng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng)* kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Th khai không có tài sản chung nhưng do chị N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, chưa có yêu cầu gì về giải quyết tài sản chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này các bên xác định có tài sản chung và có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Đỗ Hữu Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đỗ Hữu Th. Anh Th được ly hôn chị Đỗ Thị N.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Hữu Ng, sinh ngày 10/6/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Buộc anh Th cấp dưỡng nuôi con theo mức 1.500.000đ/1 tháng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng)* kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu Ngọc đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Đỗ Hữu Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005737 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Anh Th còn phải nộp tiếp số tiền án phí là: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ vào Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Đỗ Hữu Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho chị hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan